TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Vũ Thị Đức.
Bà Lâm Thị Kim Xuyến.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Nhà số 591, Quốc Lộ 62, khu phố 6, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L1, huyện N, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Nhà số 591, Quốc Lộ 62, khu phố 6, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Vào năm 2010 bà với ông H tìm hiểu, thương yêu nhau và tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đ. Hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và lạnh nhạt nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà với ông H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà L, ông H chung sống có người con chung tên Trần Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2011, giới tính: Nam, hiện tại bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L cam kết không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 99/TB-TLVA ngày 12/10/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 52/TB-TA ngày 12/10/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 99/TB-TA ngày 11/11/2020 đã niêm yết hợp lệ cho ông H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông H không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Nhà số 591, Quốc Lộ 62, khu phố 6, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với ông Trần Mạnh H, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L1, huyện N, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Nhà số 591, Quốc Lộ 62, khu phố 6, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã niêm yết hợp lệ cho ông H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông H không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi có Quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho ông H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông H không có mặt và bà Nguyễn Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt có chính quyền địa phương xác nhận. Do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông H và bà L là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Trúc L với ông Trần Mạnh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đ. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ ký giải quyết là phù hợp với với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Trần Mạnh H, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà L với ông H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quí

trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà L, ông H chung sống có người con chung tên Trần Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2011, giới tính: Nam. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà L là hoàn toàn tự nguyện và đúng với nguyện vọng của cháu Đăng nên chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà L xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà L cam kết không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông Trần Mạnh H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L đối với ông Trần Mạnh H.

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Trúc L ly hôn với ông Trần Mạnh H.

Về con chung: Tiếp tục giao người con tên Trần Nguyễn Quang Đăng, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2011, giới tính: Nam cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc ngây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009405 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Trúc L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà L và ông H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã L, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út